

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2024

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Rõn

Bà Nguyễn Thị Rê

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thảo P - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Thị Kim T - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-7-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thảo P tổ chức đám cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 19-5-2015. Ông bà sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Ông bà sống ly thân gần 04 năm nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thảo P.

Về nuôi con chung: không có.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 05-9-2024, bị đơn bà Nguyễn Thảo P trình bày: Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông H về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà P: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H và bà P ly hôn. Ông H và bà P tổ chức đám cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 19-5-2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Sống chung đến cuối năm 2020 thì ông H và bà P xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân thời gian dài, cơ hội hàn gắn là không có. Những vấn đề khác như con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên bà P không ý kiến.

Nguyên đơn ông H, bị đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thảo P Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thảo P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 19-5-2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông H và bà P, Hội đồng xét xử nhận định: Ông H và bà P đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét cả hai đã thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sống ly thân gần 04 năm, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa ông H và bà P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông H và bà P thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung: không có.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà P trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà P là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Ông H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

[7.2] Bà P không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Thảo P.
2. Về nuôi con chung: không có.
3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004610 ngày 15-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).
5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- CC. THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái